

Số: 03 /GPMT-UBND

Đồng Nai, ngày 07 tháng 01 năm 2025

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép môi trường số 760/CĐN-HCTH ngày 22 tháng 8 năm 2024, các Văn bản số 1339/CĐN-HCTH ngày 28 tháng 11 năm 2024 và số 1504/CĐN-HCTH ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai về việc giải trình, bổ sung nội dung hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép môi trường của cơ sở Cảng Gò Dầu B tại xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 01/TTr-STNMT ngày 02 tháng 01 năm 2025.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai, địa chỉ tại phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Cảng Gò Dầu B tại xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Cảng Gò Dầu B.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 3600334112 đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 17 tháng 7 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

1.4. Mã số thuế: 3600334112.



1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cho thuê kho, bãi.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Tổng diện tích khu đất cơ sở 383.378,3 m<sup>2</sup>; trong đó diện tích đất là 364.041,1 m<sup>2</sup> và diện tích mặt nước là 19.337,2 m<sup>2</sup>.

- Quy mô: Cơ sở nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Quy mô, công suất:

+ Cầu cảng số 1 tiếp nhận tàu có trọng tải 6.500 DWT; Cầu cảng số 2 tiếp nhận tàu có trọng tải 12.000 DWT; Cầu cảng số 3, số 4 và số 5 tiếp nhận tàu có trọng tải 30.000 DWT.

+ Hàng hóa qua cảng lớn nhất: hàng tổng hợp 8.000.000 tấn/năm.

+ Kho chứa, bãi tổng và các công trình phụ trợ diện tích 383.378,3 m<sup>2</sup>.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

### **Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai:**

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(Từ ngày 07 tháng 01 năm 2025 đến ngày 07 tháng 01 năm 2035).

Giấy phép môi trường số 129/GPMT-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh cấp cho cơ sở cảng Gò Dầu B tại xã Phước Thái, huyện Long Thành hết hiệu lực kể từ ngày giấy phép môi trường này có hiệu lực.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Long Thành;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.



**Võ Tấn Đức**



## Phụ lục 1

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 03 /GPMT-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

#### 1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh của công nhân viên tại cảng và đơn vị thuê kho bãi tại Cảng (phát sinh từ các nhà vệ sinh).
- Nguồn số 02: Nước mưa và nước rửa đường nhiễm bụi than số 1.
- Nguồn số 03: Nước mưa và nước rửa đường nhiễm bụi than số 2.
- Nguồn số 04: Nước dằn tàu.

#### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

##### 2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sau xử lý được xả ra rạch Bà Riêu sau đó ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Thị Vải.
- Nguồn số 02, 03: Sông Thị Vải
- Nguồn số 04: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý, không xả thải ra môi trường.

##### 2.2. Vị trí xả nước thải:

- Nguồn số 01: Tại xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai; Tọa độ: X = 1177603; Y = 420000 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107<sup>0</sup>45, múi chiếu 3<sup>0</sup>).
- Nguồn số 02: Tại xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai; Tọa độ: X = 1177514; Y = 419421 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107<sup>0</sup>45, múi chiếu 3<sup>0</sup>).
- Nguồn số 03: Tại xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai; Tọa độ: X = 1177584; Y = 419436 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107<sup>0</sup>45, múi chiếu 3<sup>0</sup>).

##### 2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

- Nguồn số 01: 15 m<sup>3</sup>/ngày.
- Nguồn số 02: 37 m<sup>3</sup>/giờ.
- Nguồn số 03: 50 m<sup>3</sup>/giờ.

##### 2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nguồn số 01: Tự chảy.
- Nguồn số 02: Tự chảy.
- Nguồn số 03: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải:

- + Nguồn số 01: Liên tục, 24/24.
- + Nguồn số 02: Liên tục, 24/24.
- + Nguồn số 03: Liên tục, 24/24.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường cho từng mục đích sử dụng và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 14:2008/BTNMT, K = 1,2 và QCVN 40:2011/BTNMT cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Thời gian áp dụng		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			Đến ngày 31/12/2026	Từ ngày 01/01/2027 trở đi		
I	Nguồn số 01		QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K = 1,2	QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K = 1,2		
1	pH	-	5-9	5-9	03 tháng/lần	-
2	TSS	mg/l	120	60		
3	BOD <sub>5</sub>	mg/l	60	36		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200	600		
5	Sunfua	mg/l	4,8	1,2		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12	6		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60	36		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24	12		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12	6		
10	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12	7,2		
11	Tổng Coliforms	MNP/100ml	5.000	3.000		
II	Nguồn số 02, 03		QCVN 40:2011/BTNMT cột B, K <sub>q</sub> = 1,2; K <sub>r</sub> = 1,0	QCVN 40:2011/BTNMT cột A, K <sub>q</sub> = 1,2; K <sub>r</sub> = 1,0		
1	Lưu lượng	-	-	-	-	Thực hiện quan trắc tự động, liên tục
2	Nhiệt độ	°C	40	40		
3	pH	-	5,5-9	6-9		

4	COD	mg/l	180	90	-	
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	120	60	-	
6	BOD <sub>5</sub>	mg/l	60	36	03 tháng/lần	-
7	Coliform	MPN hoặc CFU/100ml	5.000	3.000		-

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

#### 1.1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh của các đơn vị thuê kho bãi được thu gom và xử lý sơ bộ qua 08 bể tự hoại 3 ngăn với thể tích 30 m<sup>3</sup>/bể, riêng khu vực văn phòng và nhà ăn của Cảng được thu gom và xử lý sơ bộ qua 02 bể tự hoại 5 ngăn với thể tích 50 m<sup>3</sup>/bể. Nước thải phát sinh toàn Cảng sau khi xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại sẽ được thu gom bằng đường ống nhựa uPVC đường kính 114 mm về hệ thống xử lý nước thải công suất 15 m<sup>3</sup>/ngày để xử lý.

#### 1.1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Hố ga thu gom → Bể điều hoà → bể sinh học thiếu khí → bể sinh học hiếu khí có vật liệu đệm → bể lắng bùn sinh học → bể khử trùng → Thiết bị lọc áp lực → rạch Bà Riêu → sông Thị Vải.

- Công suất thiết kế: công suất 15 m<sup>3</sup>/ngày.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorin.

1.1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: Thường xuyên theo dõi hoạt động của hệ thống xử lý nước thải; đảm bảo không có bất kỳ công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước; nạo vét hệ thống cống rãnh định kỳ để tăng khả năng thoát nước; hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

#### 1.2. Mạng lưới thu gom nước mưa nhiễm bụi than:

- Nước mưa từ mái nhà văn phòng, nhà kho, xưởng và nước mưa chảy tràn trên bề mặt đường giao thông nội bộ, khuôn viên được thu gom vào hệ thống thoát nước nội bộ của cơ sở. Hệ thống thoát nước mưa được xây dựng bằng bê tông và có tấm đan che đậy có bề rộng D=200; D=400; D=500; D=600 theo phương thức tự chảy với tổng chiều dài 1.012m, dọc tuyến thoát nước có bố trí các hố ga.

Nước mưa nhiễm bụi than từ quá trình rửa đường giao thông nội bộ do bụi, than bị rơi vãi trong quá trình xuất/nhập tại các lưu vực 3, 4, 5 sẽ được thu gom bằng tuyến mương thoát nước bê tông dạng hình thang (độ dốc  $i = 0,5\%$ , có bề

rộng D200, D = 400, D600 đáy chống thấm sâu 0,5 m) sau đó dẫn về cống tròn bê tông có bề rộng D600 gom nước mưa về bể thu gom số 1 rồi theo cống tròn D600 về bể thu gom số 2. Toàn bộ nước thải được gom về bể thu gom số 2 rồi được bơm xử lý tập trung nước mưa số 1, công suất 37 m<sup>3</sup>/giờ để xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT (cột B, K<sub>q</sub> = 1,1; K<sub>f</sub> = 1,0) sau đó thải ra sông Thị Vải tại 01 điểm.

Nước mưa nhiễm bụi than từ quá trình rửa đường giao thông nội bộ do bụi, than bị rơi vãi trong quá trình xuất/nhập tại các lưu vực 1, 2, 6 sẽ được thu gom bằng tuyến mương thoát nước bê tông dạng hình thang (độ dốc i = 0,5%, có bề rộng D200, D=400, D600 đáy chống thấm sâu 0,5m) sau đó dẫn về cống tròn bê tông có bề rộng D600 gom nước mưa về bể thu gom tập trung và tiếp tục được bơm về hệ thống xử lý tập trung nước mưa số 2, công suất 50 m<sup>3</sup>/h để xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT (cột B, K<sub>q</sub> = 1,2; K<sub>f</sub> = 1,0) sau đó thải ra sông Thị Vải tại 01 điểm.

Nước thải dẫn tàu, nước giải nhiệt từ tàu thuyền (nước giải nhiệt sẽ được tuần hoàn), toàn bộ nước thải dẫn tàu được Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai giao cho Công ty TNHH xử lý môi trường sạch Việt Nam thu gom, xử lý (Hợp đồng nguyên tắc về việc vệ sinh thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải số 113-2017/HĐXLCT/MTSVN.T-CĐN ngày 31 tháng 8 năm 2017 kèm Phụ lục 04 ngày 31 tháng 8 năm 2024).

#### 1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý nước mưa nhiễm bụi than số 1:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước mưa (lưu vực 3,4,5) → Bể thu gom → Bể điều hòa 2 ngăn → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng bùn hóa lý → Bể chứa trung gian → Bồn lọc áp lực → sông Thị Vải.

- Công suất thiết kế: 37 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorin, PAC, Polimer Anion.

#### 1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước mưa nhiễm bụi than số 2:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước mưa (lưu vực 1,2,6) → Bể thu gom → Bể điều hòa 2 ngăn → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng bùn hóa lý → Bể chứa trung gian → Bồn lọc áp lực → sông Thị Vải.

- Công suất thiết kế: 37 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorin, PAC, Polimer Anion.

1.2.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Dự án thuộc đối tượng phải lắp đặt.

- Số lượng: 02 thiết bị tại hệ thống xử lý nước mưa nhiễm bụi than 1, 2 (lắp đặt sau khi được cấp giấy phép môi trường).

- Vị trí lắp đặt:

+ Sau hệ thống xử lý nước mưa nhiễm bụi than số 1, trước khi xả ra môi trường.

+ Sau hệ thống xử lý nước mưa nhiễm bụi than số 2, trước khi xả ra môi trường.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, Chất rắn lơ lửng, COD.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: Sẽ lắp đặt sau khi được cấp giấy phép môi trường.

- Camera giám sát: Sẽ lắp đặt sau khi được cấp giấy phép môi trường.

- Kết nối, truyền số liệu: Số liệu quan trắc tự động, liên tục được truyền trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai để theo dõi, giám sát.

1.2.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống đảm bảo không tắc nghẽn trong quá trình vận hành; định kỳ bảo dưỡng các thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải và nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Đảm bảo vận hành theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

1.2.5 Quy trình ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:

- Nhân viên kiểm soát phát hiện sự cố tại hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nhân viên vận hành hệ thống xử lý đóng van nước thải đầu vào và nước thải sau xử lý tại các bể xử lý, sau đó nước thải được bơm về bể thu gom để lưu chứa tạm thời và thông báo sự việc cho quản lý vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nhân viên kỹ thuật tiến hành sửa chữa, khắc phục lỗi của hệ thống xử lý nước thải.

- Sau khi sửa chữa và khắc phục xong, hệ thống sẽ tiếp tục xử lý phần nước lưu chứa.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng

2.2. Công trình thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý nước mưa nhiễm bụi than số 2, công suất 50 m<sup>3</sup>/giờ.

- Đối với hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 15 m<sup>3</sup>/ngày và hệ thống xử lý nước mưa nhiễm bụi than số 1, công suất 37 m<sup>3</sup>/giờ đã hoàn thành vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường số 129/GPMT-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2023.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Đầu vào và đầu ra của Hệ thống xử lý nước mưa nhiễm bụi than số 2.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung được cấp phép tại Mục A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:



Thực hiện quant rắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh của cơ sở Cảng Gò Dầu B đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần a phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải, nước mưa nhiễm bụi than đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý nước thải của cơ sở.

3.3. Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật, vận hành theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; thường xuyên theo dõi, kiểm tra độ an toàn, làm việc của thiết bị máy móc.

3.4. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát các bể chứa nước thải, nước mưa đầu vào, bể chứa nước thải sau xử lý nhằm kịp thời phát hiện hư hỏng để khắc phục tránh nước thải thấm trực tiếp vào môi trường đất, nước dưới đất.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải ra môi trường.



## Phụ lục 2

# **YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 03 /GPMT-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do dự án không phát sinh khí thải tại nguồn, không phát sinh bụi, khí thải xả ra môi trường).

### **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

1. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu, giảm thiểu phát tán bụi và mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải.
2. Có các biện pháp kiểm soát, giảm thiểu bụi phát sinh trong quá trình hoạt động của Cảng.
3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc xả khí thải ra môi trường.



### Phụ lục 3

## BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 03 /GPMT-UBND ngày 07 tháng Năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

#### 1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn phát sinh tiếng ồn:

+ Nguồn số 01: Từ hoạt động xuất/nhập hàng hóa tại Cảng

- Nguồn phát sinh độ rung: Không phát sinh

#### 2. Vị trí phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 1: Tọa độ: X = 1177578; Y = 419436.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $107^{\circ}45'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ )

3. Tiếng ồn phát sinh phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

#### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực. Các máy móc thiết bị thực hiện phục vụ sản xuất được bảo dưỡng bảo trì, thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất. Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời các phương tiện giao thông phục vụ cơ sở; kiểm tra độ mòn chi tiết và định kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng cho các phương tiện giao thông.

#### 2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



## Phụ lục 4

# YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 03 /GPMT-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

## A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

### 1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	68	NH
2	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	17 06 01	Lỏng	95	NH
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải	17 02 03	Lỏng	111	NH
4	Dầu thủy lực tổng hợp thải	17 01 06	Lỏng	134	NH
5	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	132	KS
6	Bao bì mềm	18 01 01	Rắn	18	KS
7	Bao bì nhựa cứng thải	18 01 03	Rắn	15	KS
8	Bộ lọc dầu	15 01 02	Rắn	20	NH
9	Ắc quy chì thải	19 06 01	Rắn	72	NH
10	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước mưa nhiễm bụi than	12 06 05	Bùn	635	KS
11	Linh kiện thiết bị điện, điện tử thải (đèn led)	19 02 06	Rắn	20	NH
12	Pin thải	19 06 02	Rắn	10	NH
13	Nước thải lẫn dầu hoặc có các thành phần nguy hại	15 02 12	Lỏng	250	NH
<b>Tổng cộng</b>				<b>1.580</b>	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Pallet gỗ hư hỏng	09 01 02	Rắn	1.102	TT-R
2	Bao bì, thùng carton, giấy loại bỏ từ văn phòng	09 03 04	Rắn	3.432	TT-R
3	Hộp mực in thải	08 02 08	Rắn	2	TT-R
4	Bùn nạo vét từ các hồ ga, bùn từ bể tự hoại	-	Bùn	215	-

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
5	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	12 06 12	Bùn	145	TT
6	Nước thải dẫn tàu, nước giải nhiệt từ tàu thuyền	-	Lỏng	150.000	-
<b>Tổng cộng</b>				<b>154.896</b>	
7	Vật chất nạo vét duy tu (01 năm 01 lần)	11 05 06	Rắn/Bùn	33.903,43 m <sup>3</sup> /năm	TT-R

\* Vật chất nạo vét duy tu được phân loại, quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều 81, khoản 1 Điều 82 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 66 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

### 1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Số lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm thực phẩm	2,2
2	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm tái chế	0,5
3	Chất thải rắn sinh hoạt còn lại	1,0
<b>Tổng khối lượng</b>		<b>3,7</b>

## 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng, phuy, can có nắp đậy.

2.1.2. Khu lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 15 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Bố trí container có kích thước D x R x C = 06 m x 2,5 m x 2,5 m, thực hiện phân loại, dán mã chất thải nguy hại, lắp dấu hiệu cảnh báo, bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy tại khu vực lưu giữ.

- Đối với nước thải có chứa các thành phần nguy hại được lưu chứa tại các hố gom chất thải của các đơn vị thuê kho bãi và liên hệ các đơn vị có chức năng đến thu gom xử lý theo quy định.

### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích chứa 240 lít đặt tại khuôn viên của Cảng và các đơn vị thuê kho bãi.

### 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích chứa 240 lít, 660 lít tại khu vực nhà vệ sinh, căn tin, văn phòng của cảng và các đơn vị thuê kho bãi.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn TCVN 6707:2009 về dấu hiệu cảnh báo chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2. Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành cơ sở đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

3. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu; sự cố bục vỡ đường ống.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.





## Phụ lục 5

### **CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 03/GPMT-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

#### **A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

#### **B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

#### **C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

Cơ sở tiếp tục thực hiện các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2019 được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp cho cơ sở Cảng Gò Dầu B tại xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.

#### **D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải; công trình xây dựng của dự án.

2. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở theo quy định.

3. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của cơ sở; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của cơ sở.

4. Tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động trong quá trình hoạt động của cơ sở theo các quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời tuân thủ thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành.

5. Tuân thủ đúng các quy định tại Luật Hoá chất và các quy định khác có liên quan đến hoá chất hiện hành.

6. Trong quá trình hoạt động nếu cơ sở có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Ủy ban nhân dân xã Phước Thái, Ủy ban nhân dân huyện Long Thành, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.